CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM
S.G.P: 12 - Đ.T.N.N.G - Q. PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

DAI-ICHI LIFE
Gắn bó dài lâu.

# GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM

*(Giấy chứng nhận này được in vào lúc 5:54:34 am ngày 13/10/2016)*

1756777926

## I. Thông tin về hợp đồng bảo hiểm:

| | | | |
|---|---|---|---|
| **Hợp đồng bảo hiểm số:** | 2308764 | **Phí bảo hiểm định kỳ (VNĐ):** | 7.284.100 |
| **Ngày phát hành hợp đồng:** | 12/10/2016 | **Phí bảo hiểm dự tính đóng định kỳ (VNĐ):** | 7.300.000 |
| **Ngày hợp đồng bắt đầu có hiệu lực:** | 12/10/2016 | **Định kỳ đóng phí:** | Quý |

## II. Thông tin về Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm:

| | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Số giấy tờ tùy thân/ GPKD |
|---|---|---|---|---|
| **Bên mua bảo hiểm** | Nguyễn Thị Quỳnh | 30/04/1989 | Nữ | 186499249 |
| **Người được bảo hiểm chính** | Nguyễn Thị Quỳnh | 30/04/1989 | Nữ | 186499249 |

## III. Thông tin về quyền lợi bảo hiểm:

| | Người được bảo hiểm | Số tiền bảo hiểm (VNĐ) | Ngày đáo hạn | Phí bảo hiểm định kỳ (VNĐ) | Ngày kết thúc thời hạn đóng phí |
|---|---|---|---|---|---|
| **1. Quyền lợi bảo hiểm chính** | | | | | |
| An Tâm Hưng Thịnh (2014) - Quyền Lợi Bảo Hiểm Cơ Bản | Nguyễn Thị Quỳnh | 1.800.000.000 | 12/10/2041 | 5.530.500 | 12/10/2041 |
| **2. Quyền lợi bảo hiểm bổ sung** | | | | | |
| BH Tai Nạn Toàn Diện Nâng Cao | Nguyễn Thị Quỳnh | 200.000.000 | 12/10/2041 | 160.000 | 12/10/2041 |
| BH Chăm Sóc Sức Khỏe | Nguyễn Thị Quỳnh | | 12/10/2017 | | 12/10/2017 |
| Quyền lợi điều trị Nội trú Cao cấp | | | | 745.300 | |
| Quyền lợi điều trị Ngoại trú Cao cấp | | | | 848.300 | |

**Thông tin cho bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe:** Thời hạn bảo hiểm là 1 (một) năm và được gia hạn hàng năm nếu không có bên nào thông báo chấm dứt hiệu lực của sản phẩm bổ sung này. Phí bảo hiểm của sản phẩm sẽ thay đổi hàng năm vào ngày gia hạn năm hợp đồng theo tuổi đạt được của Người được bảo hiểm.

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

# HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Hợp đồng bảo hiểm số: **2308764**
Bên mua bảo hiểm: **Nguyễn Thị Quỳnh**
Người được bảo hiểm chính: **Nguyễn Thị Quỳnh**

**Hợp đồng** này xác nhận Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (sau đây gọi là "Dai-ichi Life Việt Nam") đã nhận Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm từ Bên mua bảo hiểm và đã chấp nhận bảo hiểm theo các Quy tắc và điều khoản bảo hiểm cùng văn bản thỏa thuận (nếu có) kèm theo Hợp đồng này. Dai-ichi Life Việt Nam cam kết rằng nếu Bên mua bảo hiểm nộp đầy đủ các khoản phí đến hạn, Dai-ichi Life Việt Nam có trách nhiệm chi trả các Quyền lợi bảo hiểm qui định cụ thể theo các điều kiện, Quy tắc và điều khoản của hợp đồng này.

Quý khách vui lòng tham khảo kỹ về nội dung Hợp đồng bảo hiểm, những điều kiện, Quy tắc và điều khoản cũng như các quyền lợi và nghĩa vụ để chắc chắn Hợp đồng bảo hiểm đã đáp ứng đúng nhu cầu của Quý khách.

S.G.P: 14 - Đ.T.N.NG
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM
Q. PHÚ NHUẬN - TP HỒ CHÍ MINH

**Trần Đình Quân**
**Tổng Giám Đốc**

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

UL02 - 023688

# GIẤY YÊU CẦU BẢO HIỂM NHÂN THỌ LIÊN KẾT CHUNG

*Xin trả lời đầy đủ và hoàn chỉnh tất cả các phần sau bằng bút bi màu xanh hoặc đen*

Số Hợp đồng bảo hiểm: *(do Công ty ghi)* 1 0 OCT 2016 GACGI

1 0 OCT 2016

0 0 0 1

## PHẦN 1. CHI TIẾT CÁ NHÂN

| | Bên mua bảo hiểm (BMBH) | Người được bảo hiểm chính (NĐBH) (trả lời nếu khác BMBH) |
|---|---|---|
| Họ và tên *(viết chữ IN HOA)*: | NGUYỄN THỊ QUỲNH | |
| Giới tính: | ☐ Nam ☑ Nữ | ☐ Nam ☐ Nữ |
| Tình trạng gia đình: | ☑ Đã lập gia đình ☐ Độc thân ☐ Góa ☐ Ly hôn | ☐ Đã lập gia đình ☐ Độc thân ☐ Góa ☐ Ly hôn |
| Ngày tháng năm sinh: | 30 04 1989 | |
| Nơi sinh: | Nghệ An | |
| Số CMND/Giấy Khai sinh: | 186499249 | |
| Quốc tịch: | ☑ Việt Nam ☐ Hoa Kỳ ☐ Khác (ghi rõ) ..... | ☐ Việt Nam ☐ Hoa Kỳ ☐ Khác (ghi rõ) ..... |
| Số Tài khoản Ngân hàng: *(của BMBH)* | | |
| Tại CN/PGD của Ngân hàng: | | |
| Địa chỉ thường trú | *(Vui lòng cung cấp địa chỉ thường trú tại Hoa Kỳ nếu có)* | *(Vui lòng cung cấp địa chỉ thường trú tại Hoa Kỳ nếu có)* |
| *Số nhà & tên đường* | Xóm Mỹ Hậu, | |
| *Phường/Xã/Thị trấn* | Xã Đông Hưng | |
| *Quận/Huyện/Tỉnh/Thành phố* | TP Vinh, T. Nghệ An | |
| Địa chỉ thư tín: | *(Chỉ liên lạc với BMBH theo địa chỉ tại Việt Nam)* | *(Chỉ liên lạc với BMBH theo địa chỉ tại Việt Nam)* |
| *Số nhà & tên đường* | P1004, Chung Cư CT4-5 | |
| *Phường/Xã/Thị trấn* | P. Yên Hoà | |
| *Quận/Huyện/Tỉnh/Thành phố* | Q Cầu Giấy, Hà Nội | |
| Số điện thoại liên lạc: *(bắt buộc)* | *Nhà riêng:* | *Nhà riêng:* |
| | *Cơ quan:* | *Cơ quan:* |
| | *Di động (*):* 0125881221 | *Di động (*):* |

*(*) Tôi đồng ý nhận tin nhắn qua dịch vụ SMS từ Công ty khi hợp đồng được phát hành.*

Email: *(của BMBH)* vien.lan9@gmail.com

| | | |
|---|---|---|
| Nghề nghiệp/Việc làm hiện tại: | Nhân viên đối ngoại | |
| Mô tả chi tiết công việc: | Làm công tác đối ngoại, làm việc tại văn phòng | |
| Nghề nghiệp/Việc làm khác: | ☑ Không ☐ Có *(vui lòng cung cấp chi tiết)* | ☐ Không ☐ Có *(vui lòng cung cấp chi tiết)* |
| Mô tả chi tiết công việc: | | |
| Thu nhập bình quân (đồng/năm): | 500 000 000 | |

Mối quan hệ của Người được bảo hiểm với Bên mua bảo hiểm: bản thân

Thu nhập gia đình (đồng/năm): ☐ Dưới 30 triệu ☐ Từ 30 triệu đến dưới 50 triệu ☐ Từ 50 triệu đến dưới 90 triệu ☐ Từ 90 triệu đến dưới 180 triệu ☑ Từ 180 triệu trở lên xin ghi thu nhập cụ thể 500.000.000 VNĐ

BMBH/NĐBH có thực hiện khai báo thuế tại Hoa Kỳ không? ☐ Có ☑ Không

## PHẦN 2. CHI TIẾT CÁC QUYỀN LỢI BẢO HIỂM YÊU CẦU

**BẢO HIỂM CHÍNH: AN TÂM HƯNG THỊNH (2014)**

Lựa chọn quyền lợi bảo hiểm: ☑ Quyền lợi bảo hiểm cơ bản ☐ Quyền lợi bảo hiểm nâng cao

Số tiền bảo hiểm: *Số hàng tỷ* 1 | *hàng triệu* 800 | *hàng ngàn* 000 | *hàng đơn vị* 000

Thời hạn bảo hiểm: 25 năm

| BẢO HIỂM BỔ SUNG | Số tiền bảo hiểm: *Số hàng tỷ* / *hàng triệu* / *hàng ngàn* / *hàng đơn vị* | Thời hạn bảo hiểm: |
|---|---|---|
| Bảo hiểm tai nạn toàn diện nâng cao cho NĐBH chính | 200 000 000 VNĐ | 25 năm |
| Bảo hiểm hỗ trợ đóng phí bệnh hiểm nghèo cho NĐBH chính | VNĐ | năm |
| Bảo hiểm tai nạn toàn diện nâng cao cho BMBH | VNĐ | năm |
| Bảo hiểm hỗ trợ đóng phí bệnh hiểm nghèo cho BMBH | VNĐ | năm (* Vui lòng kèm theo Tờ khai sức khỏe) |
| Bảo hiểm hỗ trợ đóng phí (BMBH) | VNĐ | năm |
| Bảo hiểm hỗ trợ đóng phí (Người hôn phối)* | VNĐ | năm (* Vui lòng kèm theo Tờ khai sức khỏe) |
| Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo trả trước | VNĐ | năm |
| Bảo hiểm hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y | VNĐ | 1 năm và được gia hạn hàng năm |
| Bảo hiểm hỗ trợ chi phí sinh hoạt | VNĐ | 1 năm và được gia hạn hàng năm |
| Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe nội, ngoại trú cao cấp | 630 000 000 VNĐ | 1 năm và được gia hạn hàng năm |
| Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo cao cấp toàn diện | VNĐ | năm |
| Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo cao cấp toàn diện trả trước | VNĐ | năm |

***Lưu ý:*** ***Không được bôi xóa bất cứ thông tin gì trên Giấy yêu cầu bảo hiểm***

UL02 - 023688

## PHẦN 3. CHI TIẾT ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM ĐỊNH KỲ

Định kỳ đóng phí: ☐ Năm ☐ Nửa năm ☑ Quý

| | Số hàng tỷ | hàng triệu | hàng ngàn | hàng đơn vị | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ: | | 7 | 284 | 100 | VNĐ | Số Phiếu thu phí BH: | DT0513061424 |
| Phí bảo hiểm dự tính đóng định kỳ: | | 7 | 300 | 000 | VNĐ | Ngày thu phí *(trên phiếu thu)*: | 09/10/2016 |

## PHẦN 4. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI THỤ HƯỞNG QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Các quyền lợi bảo hiểm sẽ được chi trả cho Bên mua bảo hiểm nếu Bên mua bảo hiểm còn sống vào thời điểm chi trả quyền lợi bảo hiểm. Nếu Bên mua bảo hiểm tử vong, quyền lợi bảo hiểm sẽ được chi trả cho (những) Người thụ hưởng theo chi tiết dưới đây. Bên mua bảo hiểm có thể thay đổi sự chỉ định này vào bất cứ lúc nào bằng cách thông báo cho Dai-ichi Life Việt Nam bằng văn bản và được Công ty xác nhận trước khi thay đổi có hiệu lực.

| Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Số CMND/ Giấy khai sinh | Địa chỉ | Mối quan hệ với NĐBH | Tỷ lệ % thụ hưởng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | |

## PHẦN 5. THÔNG TIN VỀ SỨC KHỎE

### 5A- THÔNG TIN CHUNG CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM (BMBH) VÀ NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM CHÍNH (NĐBH)

| | BMBH | NĐBH | BMBH Có | BMBH Không | NĐBH Có | NĐBH Không |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. (a) Chiều cao: | 163 cm | cm | | | | |
| Cân nặng: | 54 kg | kg | | | | |
| (b) Trong 6 tháng qua, trọng lượng của BMBH/NĐBH có thay đổi quá 5kg không? | | | ☑ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Nếu **Có**, xin cho biết thay đổi tăng hay giảm và nguyên do gì: | | | | | | |
| BMBH: mới sinh con | | | | | | |
| NĐBH: | | | | | | |
| 2. (a) BMBH/NĐBH có đang hoặc đã từng hút thuốc lá không? | | | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| Nếu **Có**, nêu rõ loại thuốc, số lượng đã hút mỗi ngày, trong bao lâu và lý do ngừng hút thuốc (nếu có): | | | | | | |
| BMBH: | | | | | | |
| NĐBH: | | | | | | |
| (b) BMBH/NĐBH có uống bia, rượu hoặc thức uống có cồn nào khác không? | | | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| Nếu **Có**, nêu rõ loại gì, mỗi lần bao nhiêu mililít, và bao nhiêu lần một tuần: | | | | | | |
| BMBH: | | | | | | |
| NĐBH: | | | | | | |
| (c) BMBH/NĐBH có đang được điều trị bằng bất kỳ loại thuốc nào không? | | | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| Nếu **Có**, nêu rõ loại và lý do sử dụng: | | | | | | |
| BMBH: | | | | | | |
| NĐBH: | | | | | | |
| (d) BMBH/NĐBH có bao giờ sử dụng chất gây nghiện, chất kích thích hoặc ma túy không? | | | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| Nếu **Có**, nêu rõ loại và lý do sử dụng: | | | | | | |
| BMBH: | | | | | | |
| NĐBH: | | | | | | |

3. BMBH/NĐBH có từng mắc phải, hay từng được điều trị, hay được yêu cầu hoặc có dự định khám bệnh hoặc điều trị những chứng bệnh sau đây:

*(Với những câu hỏi được trả lời Có, xin vui lòng cung cấp đầy đủ chi tiết vào Bảng Chi Tiết ở cuối trang 3)*

| | BMBH Có | BMBH Không | NĐBH Có | NĐBH Không |
|---|---|---|---|---|
| (a) Rối loạn mỡ máu, huyết áp cao, huyết áp thấp, đột quỵ, cơn đau tim, âm thổi ở tim, khó thở, rối loạn nhịp tim, thấp tim, đau ngực, bệnh van tim, bệnh hoặc bất kỳ rối loạn ở tim hoặc mạch máu? | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| (b) Bệnh suyễn, viêm phế quản, viêm phổi, lao phổi, ho kéo dài, ho ra máu hoặc những bệnh hô hấp khác? | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| (c) Bệnh tiểu đường (đái tháo đường), tăng đường máu, bệnh tuyến giáp hoặc rối loạn tuyến nội tiết khác? | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| (d) Suy sụp thần kinh, động kinh, mất nhận thức, liệt, yếu chi, đau đầu kéo dài, viêm não/màng não, bệnh tâm thần hoặc rối loạn thần kinh khác? | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| (e) Chảy dịch tai, chảy máu mũi, thị lực kém, rối loạn thính lực, rối loạn ngôn ngữ hoặc bệnh khác ở tai, mắt, mũi và họng? | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| (f) Bệnh sốt rét, bệnh sốt cơn hoặc sốt kéo dài? | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| (g) Loét dạ dày hoặc tá tràng, tiêu chảy kéo dài, tiêu chảy mãn tính hoặc từng đợt, sỏi mật, viêm gan hoặc rối loạn chức năng gan, vàng da, thương hàn, viêm đại tràng, đi cầu ra máu hoặc bệnh đường tiêu hóa khác? | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| (h) Máu, đạm hoặc đường trong nước tiểu, sỏi thận, viêm hoặc các bệnh khác ở thận, đường tiết niệu hoặc cơ quan sinh dục? | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |

| Chữ ký TVTC/Người làm chứng | Chữ ký của Người được bảo hiểm chính | Chữ ký của Bên mua bảo hiểm |
|---|---|---|
| Họ và tên: Trần Thị Thảo | Họ và tên: Nguyễn Thị Quỳnh | Họ và tên: Nguyễn Thị Quỳnh |

(Nếu Người được bảo hiểm chưa đủ 18 tuổi, thì cha/mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm ký thay cho Người được bảo hiểm)

***Lưu ý:* Không được bôi xóa bất cứ thông tin gì trên Giấy yêu cầu bảo hiểm** Nguyễn Thị Quỳnh Nguyễn Thị Quỳnh

| | BMBH | | NĐBH | |
|---|---|---|---|---|
| | Có | Không | Có | Không |
| (i) BMBH/NĐBH có bao giờ được chẩn đoán và điều trị bệnh lây qua đường tình dục, Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (HIV/AIDS)? | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| (j) BMBH/NĐBH có bao giờ làm xét nghiệm HIV không? Nếu Có, ghi rõ lý do, thời gian thực hiện và kết quả? | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| (k) Bệnh thiếu máu, bệnh bạch huyết, suy tủy, xuất huyết, bất thường về máu hoặc đã từng được truyền máu? | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| (l) Bệnh viêm khớp, bệnh hoặc biến dạng hoặc rối loạn ở cơ, da, xương, khớp (chi, cột sống...)? | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| (m) Bệnh ung thư, u bướu hoặc phì đại ở tuyến: tuyến vú, hạch lymphô,...? | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| (n) Bệnh tự miễn: bệnh xơ cứng bì, lupus đỏ,...? | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| (o) Bất kỳ bệnh, rối loạn, phẫu thuật, tổn thương khác, mất khả năng hoạt động, hoặc nhiễm độc hóa chất không? | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| 4. Trong 3 năm qua, BMBH/NĐBH có bao giờ từng hoặc dự định sẽ thực hiện những cuộc kiểm tra y tế sau: | | | | |
| (a) Khám sức khỏe hoặc điều trị nội hay ngoại trú tại bệnh viện hoặc phòng khám nào không? | ☑ | ☐ | ☐ | ☐ |
| (b) Được chụp X-quang, Điện tâm đồ, Điện tâm đồ gắng sức, Siêu âm, chụp cắt lớp điện toán (CT scan), chụp cộng hưởng từ (MRI) hoặc Sinh thiết, chụp nhũ ảnh, xét nghiệm máu, xét nghiệm nước tiểu không? | ☑ | ☐ | ☐ | ☐ |
| (c) Có biểu hiện triệu chứng nào sau đây kéo dài hơn một tuần: mệt mỏi sụt cân, tiêu chảy, phì đại hạch hoặc sang thương bất thường ở da? | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| 5. BMBH/NĐBH có dị tật nào không? Bẩm sinh hay mắc phải? | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| 6. BMBH/NĐBH có bị tai nạn bao giờ không? Sau đó có để lại thương tật nào không? | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| 7. **Nếu bạn là PHỤ NỮ, xin trả lời câu hỏi này:** | | | | |
| (a) BMBH/NĐBH đang mang thai? | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| Nếu Có, xin vui lòng cho biết tình trạng sức khỏe của bạn, sức khỏe và số tuần của thai nhi: | | | | |
| BMBH | | | | |
| NĐBH | | | | |
| (b) BMBH/NĐBH có bị biến chứng trong các lần thai sản trước không? | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| 8. BMBH/NĐBH có tham gia hoặc dự định tham gia những môn thể thao nguy hiểm không? (lặn, leo núi, nhảy dù, tàu lượn, đua xe...) | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| 9. Bạn có thường xuyên đi lại bằng đường thủy không? | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |
| Nếu **Có**, xin vui lòng cho biết thêm chi tiết: | | | | |
| BMBH | | | | |
| NĐBH | | | | |
| 10. Ngoài yêu cầu bảo hiểm này, BMBH và NĐBH đã từng hoặc đang có Yêu cầu/Hợp đồng bảo hiểm nào khác với Dai-ichi Life Việt Nam hoặc với bất kỳ Công ty bảo hiểm nhân thọ nào khác không? (Kể cả Yêu cầu/Hợp đồng bảo hiểm bị hủy hoặc bị từ chối) | ☐ | ☑ | ☐ | ☐ |

Nếu **Có**, vui lòng cung cấp chi tiết theo Bảng chi tiết dưới đây:

| Tên Công ty bảo hiểm | Người Được Bảo Hiểm | Số tiền Bảo hiểm | Năm tham gia Bảo Hiểm | Loại hình bảo hiểm | Điều kiện (phí chuẩn, bị từ chối, điều khoản đặc biệt,...) | Tình trạng HĐ hiện tại |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | |

Nếu trả lời **Có** ở các câu **3, 4, 5, 6** hoặc **7** trong phần này, xin vui lòng cung cấp chi tiết theo Bảng chi tiết dưới đây. Nếu chỗ trống không đủ, xin vui lòng kèm thêm một tờ khai chi tiết. Đính kèm các kết quả xét nghiệm, hồ sơ liên quan đến khám và điều trị bệnh

| | STT câu hỏi | Lý do khám? Được chẩn đoán bệnh gì? Đã làm xét nghiệm gì? Chi tiết việc điều trị | Thời gian xảy ra | Nơi khám và tên Bác sĩ khám/ điều trị | Kết quả khám/ điều trị? Tình trạng hiện tại? (Ví dụ: đã chấm dứt điều trị hoặc đang tiếp tục điều trị) |
|---|---|---|---|---|---|
| BMBH | 4a<br>4b | Khám sức khoẻ định kỳ<br>Xét nghiệm máu, nước tiểu | 1/2015<br>1/2015 | Phòng khám đa khoa quốc tế Hồng Ngọc | Kết quả tốt<br>Kết quả bình thường.<br>(không còn hồ sơ lưu) |
| NĐBH | | | | | |

11. Bệnh sử gia đình:

| | | Xin vui lòng ghi rõ chi tiết nếu Cha, Mẹ hoặc anh/chị/em của BMBH/NĐBH đã qua đời hoặc mắc bệnh ung thư, tiểu đường (đái tháo đường), tim mạch, đột quỵ, cao huyết áp, bệnh thận, tâm thần, bệnh về máu, sa sút trí tuệ, bệnh Alzheimer, bệnh Parkinson, rối loạn thần kinh vận động hoặc bất kỳ bệnh di truyền nào khác. | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | **Nếu còn sống,** xin cho biết **tuổi và tình trạng sức khỏe** | | **Nếu đã qua đời,** xin cho biết **qua đời lúc bao nhiêu tuổi** và **nguyên nhân** (nếu qua đời vì bệnh, ghi rõ bệnh gì?) | |
| | | Tuổi | Tình trạng sức khỏe hiện tại | Tuổi qua đời | Nguyên nhân qua đời |
| BMBH | Cha | 57 | tốt | | |
| | Mẹ | 45 | tốt | | |
| | Anh, chị, em | 19 | tốt. | | |
| NĐBH | Cha | | | | |
| | Mẹ | | | | |
| | Anh, chị, em | | | | |

## 5B- THÔNG TIN DÀNH RIÊNG CHO NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM DƯỚI 10 TUỔI

| | Có | Không |
|---|---|---|
| 1. NĐBH có bị thương tổn hoặc khuyết tật lúc chào đời không? NĐBH có chịu những bất thường khi sinh, bị tật bẩm sinh, "xanh tím trẻ sơ sinh", mất nhận thức hoặc Hội chứng Down không?..... | ☐ | ☐ |

Nếu **Có**, xin cho biết chi tiết:

2. NĐBH được sinh: a/ ☐ Sinh thường ☐ Sinh mổ ☐ Sinh hỗ trợ
b/ ☐ Sinh đủ tháng ☐ Sinh thiếu tháng ☐ Sinh quá ngày
c/ ☐ Sinh một ☐ Sinh đôi ☐ Sinh đa thai

3. NĐBH cân nặng bao nhiêu khi mới sinh? _____ kg

4. Sau khi sinh, NĐBH ở bệnh viện mấy ngày? _____ ngày Nếu hơn 7 ngày, xin cho biết lý do:

| | | |
|---|---|---|
| 5. NĐBH có được tiêm chủng đầy đủ theo lịch chương trình tiêm chủng quốc gia?..... | ☐ | ☐ |

Nếu **Không**, xin vui lòng cho biết lý do:

## PHẦN 6. CAM KẾT CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

1. Tôi cam kết rằng tất cả các thông tin trên đây cũng như bất cứ thông tin nào khác cung cấp cho Công ty đều là đầy đủ và đúng sự thật. Tôi không che giấu bất cứ thông tin nào có thể ảnh hưởng đến sự đánh giá và chấp thuận Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm. Tôi hiểu rằng tôi phải có trách nhiệm thông báo cho Dai-ichi Life Việt Nam bất kỳ sự thay đổi nào về tình trạng sức khỏe của những người tham gia bảo hiểm, trước khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành. Tôi khẳng định tất cả các câu trả lời là hoàn toàn chính xác.
2. Tôi hiểu và đồng ý rằng việc đóng Phí bảo hiểm tạm nộp trước khi Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm được chấp thuận không có nghĩa Dai-ichi Life Việt Nam cam kết phát hành Hợp đồng bảo hiểm theo như yêu cầu, Hợp đồng sẽ chỉ bắt đầu có hiệu lực khi Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm được chấp thuận hoàn toàn, Phí bảo hiểm đầu tiên đã được nộp đủ và Hợp đồng bảo hiểm được phát hành.
3. Tôi đồng ý cho phép Bác sĩ hoặc cơ sở y tế đã điều trị hoặc tư vấn sức khỏe được quyền cung cấp cho Dai-ichi Life Việt Nam, Công ty Tái bảo hiểm hoặc tòa án có liên quan bất kỳ thông tin nào về tình trạng sức khỏe của những người tham gia bảo hiểm khi được yêu cầu. Bản sao của hồ sơ này có giá trị như bản gốc.
4. Liên quan đến quy định về thuế tại Hoa Kỳ, khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin, chúng tôi đồng ý và cho phép công ty được tiết lộ thông tin mà chúng tôi đã cung cấp cho công ty. Chúng tôi đồng ý cung cấp thêm thông tin trong thời gian hợp lý khi công ty yêu cầu.
5. Giấy yêu cầu bảo hiểm này được xem là một bộ phận của Hợp đồng Bảo hiểm khi yêu cầu bảo hiểm được Dai-ichi Life Việt Nam chấp thuận.

Chữ ký của Người được bảo hiểm *(ghi rõ Họ và Tên)* Nguyễn Thị Quỳnh Ngày ký: 9/10/2016

(Nếu Người được bảo hiểm chưa đủ 18 tuổi, thì cha/mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm ký thay cho Người được bảo hiểm)

Nguyễn Thị Quỳnh

Chữ ký của Bên mua bảo hiểm *(ghi rõ Họ và Tên)* Nguyễn Thị Quỳnh Ngày ký: 9/10/2016

Nguyễn Thị Quỳnh

## PHẦN 7. CAM KẾT CỦA NGƯỜI LÀM CHỨNG

Tôi cam đoan chữ ký trên là chữ ký của Người được bảo hiểm và của Bên mua bảo hiểm được thực hiện trước sự chứng kiến của tôi.

Chữ ký của Người làm chứng (Tư vấn tài chính) Thảo Ngày ký: 9/10/2016

Họ và Tên: TRẦN THỊ THẢO Mã số TVTC: 311265 Chi nhánh: GA CẦU GIẤY Mã chi nhánh: HN143

***Lưu ý:* Không được bôi xóa bất cứ thông tin gì trên Giấy yêu cầu bảo hiểm**

## PHIẾU YÊU CẦU THAM GIA BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE

***Mẫu NB3: Sử dụng cho Giấy yêu cầu bảo hiểm***

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

Số Giấy yêu cầu bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm: UL02 - 023688

Họ tên Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN THỊ QUỲNH

Họ tên Người được bảo hiểm chính: NGUYỄN THỊ QUỲNH

Địa chỉ email của Bên mua bảo hiểm (*): vien.anq@gmail.com

*(*) Các thông báo cần thiết khi giải quyết quyền lợi bảo hiểm sẽ được gửi qua địa chỉ email của Quý khách, đề nghị Quý khách cung cấp đầy đủ và chính xác.*

**Tôi/Chúng tôi, Bên mua bảo hiểm và (những) Người được bảo hiểm của Giấy yêu cầu bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm nêu trên, đề nghị:**

☑ Tham gia Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe: ☐ Thay đổi Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe:

*(Vui lòng xem hướng dẫn tham gia chi tiết ở mặt sau của Phiếu yêu cầu này và điền đầy đủ thông tin chi tiết dưới đây)*

| Quyền lợi bảo hiểm | Chương trình bảo hiểm | | | Họ tên Người được bảo hiểm (NĐBH) sản phẩm Chăm sóc sức khỏe | Ngày/tháng/năm sinh | Số giấy tờ tùy thân | Giới tính | Quan hệ với NĐBH chính | Chữ ký Người được bảo hiểm (**) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Phổ thông | Đặc biệt | Cao cấp | | | | | | |
| Nội trú | ☐ | ☐ | ☑ | NGUYEN THI QUYNH | 30/04/1989 | 186499249 | Nữ | Bản thân | |
| Ngoại trú | ☐ | ☐ | ☑ | | | | | | |
| Chăm sóc răng | | | ☐ | | | | | | |
| Nội trú | ☐ | ☐ | ☐ | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| Ngoại trú | ☐ | ☐ | ☐ | | | | | | |
| Chăm sóc răng | | | ☐ | | | | | | |
| Nội trú | ☐ | ☐ | ☐ | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| Ngoại trú | ☐ | ☐ | ☐ | | | | | | |
| Chăm sóc răng | | | ☐ | | | | | | |
| Nội trú | ☐ | ☐ | ☐ | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| Ngoại trú | ☐ | ☐ | ☐ | | | | | | |
| Chăm sóc răng | | | ☐ | | | | | | |
| Nội trú | ☐ | ☐ | ☐ | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| Ngoại trú | ☐ | ☐ | ☐ | | | | | | |
| Chăm sóc răng | | | ☐ | | | | | | |

***Lưu ý: Người được bảo hiểm nộp bổ sung Tờ khai sức khỏe khi tham gia hoặc thay đổi quyền lợi Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe.***

☐ **Cha/Mẹ/Người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm dưới 18 tuổi hiện có đang tham gia hợp đồng BH Chăm sóc sức khỏe khác tại Dai-ichi Life Việt Nam không?**

☐ **Người được bảo hiểm sản phẩm chính hiện có đang tham gia hợp đồng BH Chăm sóc sức khỏe khác tại Dai-ichi Life Việt Nam không?**

Nếu **Có**, xin vui lòng cung cấp chi tiết theo Bảng chi tiết dưới đây:

| Số Hợp đồng bảo hiểm | Tên Người được bảo hiểm | Chương trình bảo hiểm |
|---|---|---|
| ..... | ..... | ..... |
| ..... | ..... | ..... |

☐ Hủy Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe:

| Quyền lợi bảo hiểm | | | Họ tên NĐBH sản phẩm Chăm sóc sức khỏe | Chữ ký Người được bảo hiểm(**) |
|---|---|---|---|---|
| ☐ Nội trú | ☐ Ngoại trú | ☐ Chăm sóc răng | ..... | ..... |
| ☐ Nội trú | ☐ Ngoại trú | ☐ Chăm sóc răng | ..... | ..... |
| ☐ Nội trú | ☐ Ngoại trú | ☐ Chăm sóc răng | ..... | ..... |
| ☐ Nội trú | ☐ Ngoại trú | ☐ Chăm sóc răng | ..... | ..... |
| ☐ Nội trú | ☐ Ngoại trú | ☐ Chăm sóc răng | ..... | ..... |

*(**): Nếu Người được bảo hiểm chưa đủ 18 tuổi, Cha/mẹ hoặc Người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm ký thay cho Người được bảo hiểm.*

**Tôi/Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng:**

- phải có trách nhiệm thông báo cho Dai-ichi Life Việt Nam bất kỳ sự thay đổi nào về tình trạng sức khỏe của Bên mua bảo hiểm/(những) Người được bảo hiểm xảy ra trước khi yêu cầu tham gia sản phẩm Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe được chấp nhận.
- thời hạn bảo hiểm chăm sóc sức khỏe là 1 (một) năm và được gia hạn hàng năm nếu không có bên nào thông báo chấm dứt hiệu lực của sản phẩm bổ sung này. Phí bảo hiểm của sản phẩm sẽ thay đổi hàng năm vào ngày gia hạn năm hợp đồng theo tuổi đạt được của Người được bảo hiểm và theo quyết định thẩm định của Dai-ichi Life Việt Nam.
- trong trường hợp yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ liên lạc với tôi/chúng tôi về việc giải quyết quyền lợi bảo hiểm bằng địa chỉ email của Bên mua bảo hiểm nêu trên.
- trách nhiệm bảo hiểm chỉ bắt đầu kể từ ngày Dai-ichi Life Việt Nam đồng ý bảo hiểm bằng văn bản.

Chữ ký Bên mua bảo hiểm: .....

Họ tên Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Thị Quỳnh

Ngày: 9/10/2016

Nguyễn Thị Quỳnh

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

# HƯỚNG DẪN THAM GIA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE

❖ **Sản phẩm Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe (BHCSSK) dành cho Bên mua bảo hiểm (BMBH), Người được bảo hiểm (NĐBH) sản phẩm chính và các thành viên trong gia đình của NĐBH sản phẩm chính như:**

- Vợ/chồng, con, cha mẹ hợp pháp, cha mẹ vợ/chồng và anh chị em của NĐBH sản phẩm chính nếu NĐBH sản phẩm chính từ 18 tuổi trở lên; hoặc
- Cha, mẹ, Người giám hộ hợp pháp và anh chị em của NĐBH sản phẩm chính nếu NĐBH sản phẩm chính dưới 18 tuổi.

*Lưu ý:*

- *NĐBH sản phẩm chính phải tham gia sản phẩm BHCSSK thì những người thân mới có thể tham gia BHCSSK. Trường hợp NĐBH sản phẩm chính không tham gia do có hợp đồng BHCSSK khác tại Dai-ichi Life Việt Nam; BMBH cần cung cấp thông tin chi tiết hợp đồng BHCSSK của NĐBH sản phẩm chính khi điền yêu cầu tham gia BHCSSK này.*
- *NĐBH dưới 18 tuổi có thể tham gia BHCSSK mà không cần cha/mẹ/Người giám hộ hợp pháp phải tham gia BHCSSK cùng.*
- *Đối với trường hợp Doanh nghiệp/Tổ chức tham gia Hợp đồng Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên: vợ/chồng, con, cha mẹ hợp pháp, cha mẹ vợ/chồng và anh chị em của NĐBH sản phẩm chính cũng được tham gia BHCSSK.*

❖ ***Chương trình bảo hiểm:***

- Quyền lợi điều trị nội trú là quyền lợi bắt buộc khi tham gia sản phẩm BHCSSK. Khách hàng sẽ chọn 1 trong 3 chương trình bảo hiểm (Phổ thông hoặc Đặc biệt hoặc Cao cấp) theo nhu cầu của mình.
- Quyền lợi điều trị ngoại trú và quyền lợi chăm sóc răng sẽ là quyền lợi tùy chọn, khách hàng có thể tham gia hoặc không tham gia quyền lợi tùy chọn này.
- Khi tham gia quyền lợi điều trị ngoại trú, khách hàng có thể chọn chương trình bảo hiểm của quyền lợi điều trị ngoại trú thấp hơn hoặc bằng chương trình bảo hiểm của quyền lợi điều trị nội trú.

*Ví dụ: Khách hàng chọn quyền lợi điều trị nội trú Đặc biệt, có thể tham gia quyền lợi điều trị ngoại trú Phổ thông hoặc Đặc biệt. Tuy nhiên không chọn được quyền lợi điều trị ngoại trú Cao cấp.*

- Quyền lợi bảo hiểm chăm sóc răng chỉ tham gia khi khách hàng chọn Quyền lợi điều trị nội trú Cao cấp và có tham gia quyền lợi điều trị ngoại trú (bất kỳ chương trình bảo hiểm nào).
- Nếu NĐBH sản phẩm BHCSSK từ 18 tuổi trở lên: khách hàng có thể tham gia bất kỳ chương trình bảo hiểm nào.
- Nếu NĐBH sản phẩm BHCSSK dưới 18 tuổi, chương trình bảo hiểm sẽ theo quy định như sau:
    - Trường hợp cha/mẹ/Người giám hộ hợp pháp không tham gia BHCSSK tại Dai-ichi Life Việt Nam: NĐBH được tham gia chương trình bảo hiểm Phổ thông.
    - Trường hợp cha/mẹ/Người giám hộ hợp pháp có tham gia BHCSSK trong cùng hợp đồng hoặc đã đang tham gia BHCSSK ở hợp đồng khác tại Dai-ichi Life Việt Nam: NĐBH dưới 18 tuổi được tham gia bất cứ chương trình bảo hiểm nào miễn không vượt quá chương trình bảo hiểm cao nhất của cha/mẹ/Người giám hộ hợp pháp.

      Trường hợp cha/mẹ/Người giám hộ hợp pháp đã đang tham gia BHCSSK ở hợp đồng khác tại Dai-ichi Life Việt Nam và khách hàng muốn NĐBH dưới 18 tuổi tham gia chương trình bảo hiểm Đặc biệt hoặc Cao cấp như chương trình của cha/mẹ/Người giám hộ hợp pháp: BMBH cần cung cấp thông tin chi tiết hợp đồng BHCSSK của cha/mẹ/Người giám hộ hợp pháp khi điền yêu cầu tham gia BHCSSK này.

DAI-ICHI LIFE
Gắn bó dài lâu

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM

# AN TÂM HƯNG THỊNH(2014)
# QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN

An Tâm Hưng Thịnh(2014) cung cấp cho khách hàng sự bảo vệ an toàn tài chính và tích lũy tài chính ổn định.

**Một vài điểm nổi bật của An Tâm Hưng Thịnh(2014)**

- **Bảo vệ toàn diện**
  - Luôn được bảo vệ ngay cả khi tạm ngừng đóng phí bảo hiểm (trong khi hợp đồng vẫn còn hiệu lực)
  - Được gia tăng quyền lợi bảo hiểm với các quyền lợi của sản phẩm bổ sung
- **Gia tăng quyền lợi tiết kiệm**
  - Được hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung
  - Giúp bạn gia tăng tài sản trong ngắn hạn cũng như dài hạn với mức tăng trưởng cam kết tối thiểu là 4 % trong 5 năm đầu của hợp đồng
  - Được hưởng khoản Thưởng duy trì hợp đồng sau mỗi 3 năm của hợp đồng
- **Và linh hoạt hơn bao giờ hết**
  - Sau 4 năm đầu tiên của hợp đồng, có thể chủ động quyết định giá trị và thời gian đóng phí
  - Được thay đổi Số tiền bảo hiểm bất cứ lúc nào
  - Được rút tiền mặt bất kỳ lúc nào từ Giá trị tài khoản hợp đồng

**An Tâm Hưng Thịnh(2014) giúp quý khách làm chủ cuộc sống và thực hiện được ước mơ.**

*Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản SP để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.*

# TRANG THÔNG TIN

DAI-ICHI LIFE
Gắn bó dài lâu

| THÔNG TIN CÔNG TY DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM |
|---|
| Công ty TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm và đầu tư vốn theo Giấy phép đầu tư số 2134/GP do Bộ KH-ĐT cấp ngày 12/10/1999 và Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC10/KDBH do BTC cấp ngày 18/01/2007; Vốn điều lệ: 100 triệu đô-la Mỹ; Địa chỉ trụ sở chính tại Tòa nhà Dai-ichi Life, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08) 3810 0888; Fax: (08) 3997 3000 |

## CHI TIẾT VỀ KHÁCH HÀNG

| | Họ tên | Giới tính | Tuổi bảo hiểm | Nhóm nghề nghiệp |
|---|---|---|---|---|
| Người được bảo hiểm (1) | NGUYỄN THỊ QUỲNH | Nữ | 27 | 1 |
| Bên mua bảo hiểm (2) | NGUYỄN THỊ QUỲNH | Nữ | 27 | 1 |

## THÔNG TIN VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

*Đơn vị tính: VNĐ*

| Sản phẩm | Người được BH | Tuổi khi kết thúc HĐ | Thời hạn hợp đồng (năm) | Số tiền bảo hiểm ban đầu | Phí BH cơ bản ban đầu | Phí BH SP Bổ sung | Phí BH đóng thêm dự kiến(*) | Phí BH dự kiến (*) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **An Tâm Hưng Thịnh (2014)** | (1) | 52 | 25 | 1.800.000.000 | 22.122.000 | | 10.864.000 | 40.000.000 |
| **BH Tai Nạn Toàn Diện Nâng Cao** | (1) | 52 | 25 | 200.000.000 | | 640.000 | | |
| **BH Chăm Sóc Sức Khỏe(**)** | (1) | | gia hạn hàng năm | | | 6.374.000 | | |
| **Quyền lợi Điều trị nội trú Cao Cấp** | | | | | | 2.981.000 | | |
| **Quyền lợi Điều trị ngoại trú Cao Cấp** | | | | | | 3.393.000 | | |
| | | | **Năm** | **Nửa năm** | **Quý** | | | |
| **Phí bảo hiểm cơ bản đóng theo định kỳ** | | | 29.136.000 | 14.568.000 | 7.284.100 | | | |

(*) Phí BH dự kiến và Phí bảo hiểm đóng thêm dự kiến cho năm đầu. Phí BH dự kiến và Phí bảo hiểm đóng thêm cho những năm sau sẽ được minh họa ở trang "Minh họa phân bổ phí bảo hiểm và quyền lợi"

(**) Thời hạn hợp đồng của (các) sản phẩm này là một năm và có thể được gia hạn hàng năm.

Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm này sẽ thay đổi hàng năm theo tuổi đạt được của Người được bảo hiểm. Phí thể hiện ở đây là phí năm tham gia đầu tiên. Tham khảo thêm phí bảo hiểm các năm gia hạn hợp đồng ở trang Tóm tắt Quyền lợi bảo hiểm. Mức phí bảo hiểm của (các) sản phẩm này có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài Chính chấp thuận.

| THÔNG TIN TƯ VẤN TÀI CHÍNH | | |
|---|---|---|
| **Họ và tên:** Trần Thị Thảo | **Mã số:** 311265 | **Văn phòng của TVTC:** Tổng đại lý Cầu Giấy |

# TÓM TẮT VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

DAI-ICHI LIFE
Gắn bó dài lâu

**Các quyền lợi cơ bản của Sản phẩm An Tâm Hưng Thịnh(2014)**

- **Quyền lợi bảo hiểm tử vong không do tai nạn:** là giá trị nào lớn hơn của Số tiền bảo hiểm và Giá trị tài khoản hợp đồng.
- **Quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn trong độ tuổi 5 - 65 tuổi:** bên cạnh quyền lợi bảo hiểm tử vong không do tai nạn, nhận thêm số tiền nào nhỏ hơn của 1 tỷ hoặc 20% số tiền bảo hiểm của sản phẩm này.
- **Quyền lợi bảo hiểm Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước tuổi 65:** giá trị nào lớn hơn của Số tiền bảo hiểm và Giá trị tài khoản hợp đồng.
- **Quyền lợi đáo hạn:** là Giá trị tài khoản hợp đồng.
- **Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng:** Nếu Phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ đến thời điểm xem xét, Thưởng duy trì hợp đồng sẽ được tự động cộng thêm vào Giá trị tài khoản bằng một tỷ lệ phần trăm của tổng lãi đã tích lũy trong thời gian 36 tháng liền trước thời điểm xem xét tương ứng và có tỷ lệ như sau:

| Năm hợp đồng | 3 | 6 | 9 | 12 | 15 | 18 | 21 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Tỷ lệ thưởng duy trì hợp đồng | 15% | 15% | 15% | 35% | 35% | 35% | 35% |

- **Quyền lợi hưởng lãi từ kết quả đầu tư của quỹ liên kết chung:** Quyền lợi đầu tư có thể tăng hoặc giảm. Trong mọi trường hợp, mức lãi suất đầu tư tối thiểu cam kết là 4%/năm trong 5 năm đầu, 3%/năm từ năm thứ 6 đến năm thứ 10 và 2%/năm trong các năm tiếp theo.

**Quyền của Bên mua bảo hiểm Sản phẩm An Tâm Hưng Thịnh(2014)**

- Quyền rút tiền mặt từ giá trị tài khoản hợp đồng
- Quyền tạm ứng tiền mặt từ giá trị tài khoản hợp đồng
- Quyền tăng, giảm Số tiền bảo hiểm
- Quyền tham gia Phí bảo hiểm đóng thêm

**Quyền lợi bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung**

- Sản phẩm Bảo hiểm Tai nạn toàn diện Nâng cao
  - Quyền lợi tử vong do tai nạn: 100% Số tiền bảo hiểm
  - Quyền lợi tử vong do tai nạn đặc biệt: 200% Số tiền bảo hiểm.
  - Quyền lợi thương tật do tai nạn: theo bảng tỷ lệ thương tật
  - Quyền lợi bảo hiểm nhận hỗ trợ chi phí nằm viện do tai nạn: 100.000 đồng cho mỗi ngày nằm viện điều trị nội trú do chấn thương như quy định
- Sản phẩm BH Chăm Sóc Sức Khỏe
  - Quyền lợi điều trị nội trú: chi trả chi phí y tế khi Người được bảo hiểm nằm viện điều trị nội trú tương ứng theo Chương trình bảo hiểm.
  - Quyền lợi điều trị ngoại trú (quyền lợi lựa chọn thêm): chi trả các chi phí y tế điều trị ngoại trú tương ứng theo Chương trình bảo hiểm.
  - Quyền lợi chăm sóc răng (quyền lợi lựa chọn thêm): chi trả các chi phí điều trị nha khoa tương ứng theo Chương trình bảo hiểm.

  *(Vui lòng tham khảo Trang tóm tắt quyền lợi Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe)*

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản SP để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.

# TÓM TẮT CÁC LOẠI CHI PHÍ

DAI-ICHI LIFE
Gắn bó dài lâu.

- Chi phí ban đầu sẽ được khấu trừ từ phí bảo hiểm đóng vào, tùy thuộc vào Năm phí bảo hiểm và được tính trên tỷ lệ phần trăm của Phí bảo hiểm cơ bản và phí bảo hiểm đóng thêm theo tỷ lệ sau:

| Năm phí bảo hiểm | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | Kể từ năm thứ 10 trở đi |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Tỷ lệ % trên Phí bảo hiểm cơ bản | 55% | 40% | 25% | 20% | 10% | 7% | 7% | 5% | 5% | 3% |
| Tỷ lệ % trên Phí bảo hiểm đóng thêm | 9% | 7% | 7% | 5% | 5% | 2% | 2% | 2% | 2% | 2% |

- Chi phí khai thác của sản phẩm bổ sung sẽ được khấu trừ từ phí bảo hiểm đóng vào, tùy thuộc vào năm phí bảo hiểm và được tính trên tỷ lệ phần trăm của Phí bảo hiểm.

| Năm phí bảo hiểm | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | Kể từ năm thứ 6 trở đi |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Tỷ lệ Chi phí khai thác SP bổ sung | 40% | 20% | 15% | 15% | 10% | 2,5% |

Riêng chi phí khai thác của sản phẩm bổ sung BH Hỗ trợ Chi phí chữa trị Bệnh nan y, BH Hỗ trợ chi phí sinh hoạt, BH Chăm sóc sức khỏe, BH Bệnh hiểm nghèo cao cấp toàn diện (nếu có tham gia) sẽ theo tỷ lệ chi phí ban đầu của sản phẩm chính.

- Chi phí bảo hiểm rủi ro là khoản chi phí được khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm theo qui định của hợp đồng bảo hiểm.
  - Mức chi phí bảo hiểm rủi ro được tính dựa trên cơ sở rủi ro tử vong và Thương tật toàn bộ vĩnh viễn, theo độ tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe và nghề nghiệp của Người được bảo hiểm. Mức chi phí bảo hiểm rủi ro là không đảm bảo và có thể thay đổi sau khi đã thông báo cho Bộ Tài Chính.
  - Chi phí bảo hiểm rủi ro thay đổi theo tuổi đạt được của Người được bảo hiểm và sẽ thay đổi hàng năm.
  - Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm An Tâm Hưng Thịnh = Mức chi phí bảo hiểm rủi ro * (Số tiền bảo hiểm - Giá trị tài khoản hợp đồng)

- Chi phí quản lý hợp đồng:là khoản chi phí được khấu trừ hàng tháng để Dai-ichi Life Việt Nam thực hiện công việc cần thiết liên quan đến việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm. Chi phí quản lý hợp đồng mỗi tháng được xác định theo năm dương lịch tại thời điểm khấu trừ, theo bảng sau:

| Năm dương lịch | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | Từ năm 2021 trở đi |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Chi phí quản lý hợp đồng (đồng/ tháng) | 27.000 | 29.100 | 31.400 | 33.900 | 36.600 | 39.500 | 42.600 | 45.000 |

- Phí quản lý quỹ: là khoản tiền được dùng để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ liên kết chung. Khoản phí này sẽ được khấu trừ trước khi công bố Lãi suất đầu tư. Phí quản lý quỹ là 2% giá trị tài sản đầu tư của quỹ trong năm
- Chi phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn là khoản chi phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Chi phí này chỉ áp dụng cho 9 năm đầu của hợp đồng bảo hiểm, theo tỉ lệ như sau:

| Năm hợp đồng | Từ năm thứ 1 đến 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | Kể từ năm thứ 10 trở đi |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Tỷ lệ chi phí | 100% | 80% | 60% | 40% | 20% | 0% |

Chi phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn = Tỷ lệ chi phí * Trung bình của phí bảo hiểm cơ bản quy năm của 12 tháng liền kề trước đó

- Chi phí rút một phần Giá trị tài khoản hợp đồng: là khoản chi phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng. Tỷ lệ tính chi phí rút một phần Giá trị tài khoản hợp đồng bằng với tỷ lệ của Chi phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và được tính trên tỷ lệ % của số tiền rút so với Giá trị tài khoản hợp đồng. Chi phí này chỉ áp dụng cho 9 năm đầu của hợp đồng bảo hiểm.

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

# MINH HỌA PHÂN BỔ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI

| Số tiền bảo hiểm ban đầu: 1.800.000.000 đồng | Phí BH cơ bản ban đầu: 29.136.000 đồng |
|---|---|
| Quyền lợi BH tử vong: là giá trị nào lớn hơn của Số tiền bảo hiểm và Giá trị tài khoản hợp đồng. | |

**Trong trường hợp việc Rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng làm cho Giá trị tài khoản hợp đồng sau khi rút thấp hơn Số tiền bảo hiểm, Số tiền bảo hiểm sẽ được điều chỉnh giảm tương ứng.**

**Đơn vị tính: đồng**

| Năm HĐ | Tuổi của NĐBH | Phí bảo hiểm dự tính | Phí BH đóng thêm | Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết là 4%/ năm cho 5 năm đầu của HĐ, 3%/ năm từ năm thứ 6 đến năm thứ 10 và 2%/ năm cho những năm còn lại | | | | | Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư khác | | | | | | Khoản tiền rút ra |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | Lãi suất đầu tư tại mức 6%/ năm | | | Lãi suất đầu tư tại mức 8%/ năm | | | |
| | | | | Chi phí BH rủi ro SP chính | Phí thuần SP Bổ sung | Thưởng duy trì HĐ | Giá trị tài khoản HĐ | Giá trị hoàn lại (*) | Thưởng duy trì HĐ | Giá trị tài khoản HĐ | Giá trị hoàn lại (*) | Thưởng duy trì HĐ | Giá trị tài khoản HĐ | Giá trị hoàn lại (*) | |
| 1 | 27 | 40.000.000 | 10.864.000 | 3.206.500 | 5.930.400 | | 14.275.700 | | | 14.636.200 | | | 14.997.500 | | |
| 2 | 28 | 40.000.000 | 10.864.000 | 3.083.500 | 5.930.400 | | 34.020.100 | 4.884.100 | | 35.142.200 | 6.006.200 | | 36.280.500 | 7.144.500 | |
| 3 | 29 | 40.000.000 | 10.864.000 | 2.988.800 | 5.930.400 | 695.200 | 59.790.000 | 30.654.000 | 1.056.500 | 62.564.600 | 33.428.600 | 1.427.200 | 65.411.300 | 36.275.300 | |
| 4 | 30 | 40.000.000 | 10.864.000 | 2.923.600 | 5.930.400 | | 87.632.600 | 58.496.600 | | 92.349.100 | 63.213.100 | | 97.255.600 | 68.119.600 | |
| 5 | 31 | 40.000.000 | 10.438.000 | 2.853.700 | 6.288.000 | | 119.238.000 | 89.676.000 | | 126.627.700 | 97.065.700 | | 134.412.600 | 104.850.600 | |
| 6 | 32 | 40.000.000 | 10.438.000 | 2.830.900 | 6.288.000 | 1.927.200 | 153.810.400 | 130.160.800 | 3.366.900 | 167.655.400 | 144.005.800 | 4.676.400 | 180.574.400 | 156.924.800 | |
| 7 | 33 | 40.000.000 | 10.438.000 | 2.818.800 | 6.288.000 | | 187.505.100 | 169.767.900 | | 207.803.000 | 190.065.800 | | 225.789.300 | 208.052.100 | |
| 8 | 34 | 40.000.000 | 10.438.000 | 2.837.000 | 6.288.000 | | 222.787.900 | 210.963.100 | | 250.968.200 | 239.143.400 | | 275.252.900 | 263.428.100 | |
| 9 | 35 | 40.000.000 | 10.438.000 | 2.880.600 | 6.288.000 | 2.982.900 | 262.067.800 | 256.155.400 | 6.528.000 | 303.224.800 | 297.312.400 | 9.367.400 | 338.028.600 | 332.116.200 | |
| 10 | 36 | 40.000.000 | 9.331.000 | 2.925.900 | 7.218.000 | | 299.136.500 | 299.136.500 | | 351.713.600 | 351.713.600 | | 396.111.100 | 396.111.100 | |
| 11 | 37 | 40.000.000 | 9.331.000 | 3.002.200 | 7.218.000 | | 333.917.300 | 333.917.300 | | 403.066.900 | 403.066.900 | | 458.821.200 | 458.821.200 | |
| 12 | 38 | 40.000.000 | 9.331.000 | 3.102.000 | 7.218.000 | 7.993.900 | 377.286.700 | 377.286.700 | 24.308.600 | 481.754.400 | 481.754.400 | 36.196.000 | 562.721.300 | 562.721.300 | |
| 13 | 39 | 40.000.000 | 9.331.000 | 3.215.000 | 7.218.000 | | 413.415.400 | 413.415.400 | | 540.838.500 | 540.838.500 | | 638.796.000 | 638.796.000 | |
| 14 | 40 | 40.000.000 | 9.331.000 | 3.359.900 | 7.218.000 | | 450.120.200 | 450.120.200 | | 603.400.700 | 603.400.700 | | 720.951.800 | 720.951.800 | |
| 15 | 41 | 40.000.000 | 8.864.000 | 3.517.800 | 7.610.400 | 9.375.000 | 496.373.000 | 496.373.000 | 36.227.200 | 705.473.500 | 705.473.500 | 56.617.600 | 865.901.700 | 865.901.700 | |
| 16 | 42 | | | 3.785.300 | 7.610.400 | | 494.235.900 | 494.235.900 | | 736.151.600 | 736.151.600 | | 923.925.600 | 923.925.600 | |
| 17 | 43 | | | 4.118.900 | 7.610.400 | | 491.718.900 | 491.718.900 | | 768.493.600 | 768.493.600 | | 986.552.000 | 986.552.000 | |
| 18 | 44 | | | 4.481.200 | 7.610.400 | | 488.785.500 | 488.785.500 | | 802.600.400 | 802.600.400 | | 1.054.180.700 | 1.054.180.700 | |
| 19 | 45 | | | 4.873.000 | 7.610.400 | | 485.397.300 | 485.397.300 | | 838.583.100 | 838.583.100 | | 1.127.253.300 | 1.127.253.300 | |
| 20 | 46 | | | 5.309.300 | 8.311.200 | | 480.791.800 | 480.791.800 | | 875.828.800 | 875.828.800 | | 1.205.519.300 | 1.205.519.300 | |
| 21 | 47 | | | 5.778.400 | 8.311.200 | | 475.620.000 | 475.620.000 | | 915.149.500 | 915.149.500 | | 1.290.189.800 | 1.290.189.800 | |
| 22 | 48 | | | 6.280.200 | 8.311.200 | | 469.837.700 | 469.837.700 | | 956.689.400 | 956.689.400 | | 1.381.858.200 | 1.381.858.200 | |
| 23 | 49 | | | 6.829.300 | 8.311.200 | | 463.384.600 | 463.384.600 | | 1.000.597.800 | 1.000.597.800 | | 1.481.176.000 | 1.481.176.000 | |
| 24 | 50 | | | 7.413.600 | 8.311.200 | | 456.211.800 | 456.211.800 | | 1.047.049.200 | 1.047.049.200 | | 1.588.873.300 | 1.588.873.300 | |
| 25 | 51 | | | 8.050.600 | 8.979.600 | | 447.576.300 | 447.576.300 | | 1.095.535.100 | 1.095.535.100 | | 1.705.059.000 | 1.705.059.000 | |

**Tổng phí BH dự tính** 600.000.000

Lưu ý:

- Số tiền thể hiện ở cột "Phí Bảo hiểm dự tính" đã bao gồm Phí BH đóng thêm
- Số tiền thể hiện ở cột "Phí BH đóng thêm" được tính toán dựa trên giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết
- Giá trị ở cột "Phí Bảo hiểm rủi ro" minh họa cho Phí BH rủi ro ở mức lãi suất đầu tư cam kết
- Số tiền thể hiện ở cột "Khoản tiền rút ra" là số tiền được giả định là Khách hàng rút ra từ Giá trị tài khoản hợp đồng và chi phí rút một phần Giá trị tài khoản hợp đồng sẽ được khấu trừ vào Giá trị tài khoản hợp đồng

  Khoản tiền rút từ Giá trị tài khoản có thể làm ảnh hưởng đến số tiền bảo hiểm của sản phẩm chính và dẫn đến thay đổi sản phẩm bổ sung tương ứng (thay đổi Số tiền bảo hiểm hoặc chấm dứt hiệu lực).
- Bảng minh họa này dựa trên giả định:

  - Phí bảo hiểm trả theo định kỳ hàng năm; Giá trị tài khoản hợp đồng thực tế có thể thay đổi phụ thuộc vào định kỳ đóng phí, thời điểm đóng phí, lãi suất, v.v... Để biết thông tin chính xác giá trị tài khoản và tình trạng của hợp đồng, khách hàng nên thường xuyên theo dõi hợp đồng bảo hiểm của mình.
  - Phí bảo hiểm được đóng đầy đủ trong thời hạn hợp đồng
  - Phí bảo hiểm rủi ro không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe hoặc tính chất nghề nghiệp

(*) Giá trị hoàn lại là số tiền khách hàng sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trong thời gian hợp đồng có hiệu lực. Khách hàng chỉ nhận giá trị hoàn lại khi hợp đồng có giá trị hoàn lại. Giá trị hoàn lại trên đây được minh họa vào cuối mỗi năm hợp đồng tương ứng. Giá trị hoàn lại sẽ thay đổi phụ thuộc vào định kỳ đóng phí, thời điểm đóng phí, lãi suất thực tế của Quỹ Liên kết chung,... Khách hàng có thể tham khảo thêm thông tin về giá trị hoàn lại trong Quy tắc, điều khoản hợp đồng.

# TÓM TẮT VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

DAI-ICHI LIFE
Gắn bó dài lâu

*Đơn vị tính: VNĐ*

| Năm HĐ | Tổng Phí bảo hiểm hàng năm | Phí quản lý hợp đồng | Phí bảo hiểm rủi ro Sản phẩm chính | Phí thuần Sản phẩm bổ sung | Phí bảo hiểm phân bổ Sản phẩm chính | Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung sau khi trừ Chi phí khai thác | Quyền lợi đảm bảo | | | Quyền lợi không đảm bảo | Phí bảo hiểm định kỳ năm | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Số tiền bảo hiểm của sản phẩm chính | Tổng số tiền bảo hiểm của sản phẩm bổ sung | Giá trị tài khoản HĐ tại mức lãi suất đầu tư đảm bảo | Giá trị tài khoản HĐ tại mức lãi suất đầu tư 8%/ năm | BH Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y (*) | BH Chăm sóc sức khỏe (**) | BH Hỗ trợ chi phí sinh hoạt |
| 1 | 40.000.000 | 399.300 | 3.206.500 | 5.930.400 | 19.841.100 | 3.252.300 | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 14.275.700 | 14.997.500 | | 6,374,000 | |
| 2 | 40.000.000 | 431.100 | 3.083.500 | 5.930.400 | 23.376.700 | 4.336.400 | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 34.020.100 | 36.280.500 | | 6,374,000 | |
| 3 | 40.000.000 | 465.300 | 2.988.800 | 5.930.400 | 26.695.000 | 5.324.500 | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 59.790.000 | 65.411.300 | | 6,374,000 | |
| 4 | 40.000.000 | 501.900 | 2.923.600 | 5.930.400 | 28.018.400 | 5.643.200 | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 87.632.600 | 97.255.600 | | 6,374,000 | |
| 5 | 40.000.000 | 532.800 | 2.853.700 | 6.288.000 | 29.825.900 | 6.696.000 | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 119.238.000 | 134.412.600 | | 6,800,000 | |
| 6 | 40.000.000 | 540.000 | 2.830.900 | 6.288.000 | 30.802.700 | 6.948.000 | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 153.810.400 | 180.574.400 | | 6,800,000 | |
| 7 | 40.000.000 | 540.000 | 2.818.800 | 6.288.000 | 30.802.700 | 6.948.000 | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 187.505.100 | 225.789.300 | | 6,800,000 | |
| 8 | 40.000.000 | 540.000 | 2.837.000 | 6.288.000 | 31.245.100 | 7.084.000 | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 222.787.900 | 275.252.900 | | 6,800,000 | |
| 9 | 40.000.000 | 540.000 | 2.880.600 | 6.288.000 | 31.245.100 | 7.084.000 | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 262.067.800 | 338.028.600 | | 6,800,000 | |
| 10 | 40.000.000 | 540.000 | 2.925.900 | 7.218.000 | 30.602.700 | 8.293.800 | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 299.136.500 | 396.111.100 | | 7,907,000 | |
| 11 | 40.000.000 | 540.000 | 3.002.200 | 7.218.000 | 30.602.700 | 8.293.800 | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 333.917.300 | 458.821.200 | | 7,907,000 | |
| 12 | 40.000.000 | 540.000 | 3.102.000 | 7.218.000 | 30.602.700 | 8.293.800 | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 377.286.700 | 562.721.300 | | 7,907,000 | |
| 13 | 40.000.000 | 540.000 | 3.215.000 | 7.218.000 | 30.602.700 | 8.293.800 | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 413.415.400 | 638.796.000 | | 7,907,000 | |
| 14 | 40.000.000 | 540.000 | 3.359.900 | 7.218.000 | 30.602.700 | 8.293.800 | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 450.120.200 | 720.951.800 | | 7,907,000 | |
| 15 | 40.000.000 | 540.000 | 3.517.800 | 7.610.400 | 30.145.100 | 8.746.800 | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 496.373.000 | 865.901.700 | | 8,374,000 | |
| 16 | | 540.000 | 3.785.300 | 7.610.400 | | | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 494.235.900 | 923.925.600 | | 8,374,000 | |
| 17 | | 540.000 | 4.118.900 | 7.610.400 | | | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 491.718.900 | 986.552.000 | | 8,374,000 | |
| 18 | | 540.000 | 4.481.200 | 7.610.400 | | | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 488.785.500 | 1.054.180.700 | | 8,374,000 | |
| 19 | | 540.000 | 4.873.000 | 7.610.400 | | | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 485.397.300 | 1.127.253.300 | | 8,374,000 | |
| 20 | | 540.000 | 5.309.300 | 8.311.200 | | | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 480.791.800 | 1.205.519.300 | | 9,209,000 | |
| 21 | | 540.000 | 5.778.400 | 8.311.200 | | | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 475.620.000 | 1.290.189.800 | | 9,209,000 | |
| 22 | | 540.000 | 6.280.200 | 8.311.200 | | | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 469.837.700 | 1.381.858.200 | | 9,209,000 | |
| 23 | | 540.000 | 6.829.300 | 8.311.200 | | | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 463.384.600 | 1.481.176.000 | | 9,209,000 | |
| 24 | | 540.000 | 7.413.600 | 8.311.200 | | | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 456.211.800 | 1.588.873.300 | | 9,209,000 | |
| 25 | | 540.000 | 8.050.600 | 8.979.600 | | | 1.800.000.000 | 830.000.000 | 447.576.300 | 1.705.059.000 | | 10,004,000 | |

(*) Phí bảo hiểm BH Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y từ lần gia hạn hợp đồng thứ 10 trở đi đã được giảm 10% với giả định phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung này đã được đóng đầy đủ trong 10 năm hợp đồng đầu tiên của sản phẩm bổ sung này.

(**) Phí BH Chăm sóc sức khỏe bao gồm cả quyền lợi điều trị ngoại trú và quyền lợi chăm sóc răng (nếu khách hàng có chọn lựa tham gia thêm). Phí này là tổng phí Chăm sóc sức khỏe của tất cả Người được bảo hiểm sản phẩm bảo hiểm bổ sung này.

## MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Khoản khấu trừ hàng tháng bao gồm Chi phí bảo hiểm rủi ro và Chi phí quản lý hợp đồng.
- Bên mua bảo hiểm phải đóng phí để đảm bảo Giá trị tài khoản hợp đồng luôn lớn hơn Khoản khấu trừ hàng tháng.
- Trong mỗi năm hợp đồng, tổng số Phí bảo hiểm đóng thêm không được vượt 5 lần Phí bảo hiểm cơ bản.
- Các giá trị trong Bảng minh họa này là không cam kết, ngoại trừ Lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu.
- Các loại Chi phí trong hợp đồng bảo hiểm này có thể thay đổi nhưng không vượt quá mức quy định tối đa và phải được sự chấp thuận của Bộ Tài Chính.
- Việc tham gia các sản phẩm bảo hiểm bổ sung sẽ không phải là điều kiện bắt buộc để duy trì hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm chính và có thể sẽ ảnh hưởng đến Giá trị tài khoản hợp đồng của hợp đồng bảo hiểm.
- Bảng minh họa này chỉ nhằm mục đích minh họa và không phải là một phần của hợp đồng bảo hiểm.

## XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Tôi ký tên dưới đây xác nhận:

1- Tôi đã đọc và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Bảng minh hoạ này.

2- Tôi đã hiểu rõ rằng:

- Bảng minh hoạ này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn. Phí bảo hiểm và chi phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết luận thẩm định và do đó có thể làm thay đổi các giá trị tài khoản hợp đồng và giá trị hoàn lại của hợp đồng.
- Giá trị tài khoản của hợp đồng tùy thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế, Phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra thực tế, và vì vậy giá trị này có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị ghi ở bảng minh hoạ này
- Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực khi Phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 4 năm hợp đồng bảo hiểm đầu tiên hoặc khi Giá trị tài khoản hợp đồng nhỏ hơn Khoản khấu trừ hàng tháng và Khoản nợ (nếu có)

3- Tôi đã hiểu rõ đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm trong bảng minh họa này, cũng như quyền lợi và trách nhiệm của tôi khi tham gia bảo hiểm.

4- Tôi đồng ý tham gia Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung và phải đọc kỹ nội dung Qui tắc Điều khoản hợp đồng ngay khi hợp đồng được phát hành.

| Họ và tên của Bên mua bảo hiểm | Chữ ký của Bên mua bảo hiểm | Ngày/tháng/năm |
|---|---|---|
| Nguyễn Thị Quỳnh | Nguyễn Thị Quỳnh | 9/10/2016 |

Tôi, Tư vấn tài chính mã số 311265, ký tên dưới đây cam kết đã giải thích đầy đủ và tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về nội dung của Bảng minh họa này

| Họ và tên của Tư vấn tài chính | Chữ ký của Tư vấn tài chính | Ngày/tháng/năm |
|---|---|---|
| Trần Thị Thảo | Thảo | 9/10/2016 |

# TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE

DAI-ICHI LIFE
Gắn bó dài lâu

*Đơn vị tính: VNĐ*

| Chương trình bảo hiểm | | PHỔ THÔNG | ĐẶC BIỆT | CAO CẤP |
|---|---|---|---|---|
| Quyền lợi tối đa cho một Bệnh tật/Thương tật trong suốt thời gian tham gia sản phẩm bảo hiểm Chăm Sóc Sức Khỏe | | 210,000,000 | 420,000,000 | 630,000,000 |
| Khu vực điều trị | | Việt Nam | Việt Nam | Việt Nam |
| **Mức tối đa của các quyền lợi** | | | | |
| QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ | **Chi phí phẫu thuật** - bao gồm cả đánh giá tiền phẫu và chăm sóc hậu phẫu thuật bình thường, chi phí gây mê, chi phí phòng mổ. | tối đa 21.000.000 cho mỗi Bệnh tật/Thương tật, mỗi cuộc phẫu thuật | tối đa 42.000.000 cho mỗi Bệnh tật/Thương tật, mỗi cuộc phẫu thuật | tối đa 63.000.000 cho mỗi Bệnh tật/Thương tật, mỗi cuộc phẫu thuật |
| | **Chi phí nội trú khác** - chi phí xét nghiệm chẩn đoán theo yêu cầu của Bác sĩ, chẩn đoán hình ảnh, thuốc được kê đơn, phí chuyên môn, máu và huyết tương, thuê xe lăn, phẫu thuật ngoại trú, dụng cụ và trang thiết bị phẫu thuật, bộ phận giả theo tiêu chuẩn được lắp trong quá trình phẫu thuật và được sự chấp thuận của Dai-ichi Life Việt Nam. | tối đa 10.500.000 cho mỗi Bệnh tật/Thương tật, mỗi năm | tối đa 21.000.000 cho mỗi Bệnh tật/Thương tật, mỗi năm | tối đa 42.000.000 cho mỗi Bệnh tật/Thương tật, mỗi năm |
| | **Điều trị trước và sau khi nằm viện** (30/60) - trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện và 60 ngày sau khi xuất viện. | | | |
| | **Phí khám bệnh hằng ngày của Bác sĩ, Bác sĩ chuyên khoa** | | | |
| | **Tiền phòng và ăn uống** - tối đa 45 ngày cho mỗi Bệnh Tật / Thương Tật mỗi năm. | tối đa 1.050.000 mỗi ngày | tối đa 1.575.000 mỗi ngày | tối đa 2.100.000 mỗi ngày |
| | **Giường cho người thân**: một giường khác trong cùng phòng dành cho người thân đi theo chăm sóc cho Người được bảo hiểm là trẻ em dưới 18 tuổi. Tối đa 10 ngày cho mỗi Bệnh tật/Thương tật, mỗi năm. | tối đa 500.000 mỗi ngày | tối đa 750.000 mỗi ngày | tối đa 1.000.000 mỗi ngày |
| | **Khoa chăm sóc đặc biệt** - tối đa 15 ngày cho mỗi Bệnh Tật / Thương Tật mỗi năm. | tối đa 2.100.000 mỗi ngày | tối đa 3.150.000 mỗi ngày | tối đa 5.250.000 mỗi ngày |
| | **Điều dưỡng tại nhà** - ngay sau khi xuất viện và được Bác sĩ điều trị xác nhận là cần thiết về mặt y khoa, tối đa 30 ngày cho mỗi Bệnh tật, Thương tật mỗi năm. | tối đa 210.000 mỗi ngày | tối đa 315.000 mỗi ngày | tối đa 420.000 mỗi ngày |
| | **Điều trị tại phòng cấp cứu do tai nạn** - các dịch vụ trong phòng cấp cứu. | tối đa 2.100.000 cho mỗi tai nạn, mỗi năm | tối đa 5.250.000 cho mỗi tai nạn, mỗi năm | tối đa 10.500.000 cho mỗi tai nạn, mỗi năm |
| | **Chi phí xe cấp cứu** | tối đa 2.100.000 cho mỗi Bệnh tật/Thương tật, mỗi năm | tối đa 4.200.000 cho mỗi Bệnh tật/Thương tật, mỗi năm | 100% |
| | **Cấy ghép bộ phận**: Là việc cấy ghép thận, tim, gan và tủy xương. Quyền lợi cấy ghép bộ phận bao gồm chi phí y tế cho Người được bảo hiểm (người nhận bộ phận) và người hiến tặng bộ phận.Chi phí y tế liên quan đến cấy ghép bộ phận của người hiến tặng không vượt quá 50% quyền lợi.Quyền lợi này là tổng cộng tối đa cho việc cấy ghép mỗi bộ phận trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này. Khi chi trả quyền lợi này, DLVN sẽ không thanh toán bất kỳ quyền lợi nào khác trong hợp đồng liên quan đến việc cấy ghép bộ phận. | tối đa 105.000.000 | tối đa 210.000.000 | tối đa 315.000.000 |
| | **Điều trị ung thư** - xạ trị và hóa trị (bằng cách truyền và tiêm) cho điều trị nội trú trong ngày hoặc ngoại trú. | 100% | 100% | 100% |
| | **Điều trị tổn thương răng do tai nạn**- điều trị khẩn cấp trong vòng tối đa 7 ngày kể từ khi xảy ra tai nạn gây mất hoặc tổn thương cho răng lành mạnh tự nhiên. | tối đa 2.100.000 cho mỗi tai nạn, mỗi năm | tối đa 4.200.000 cho mỗi tai nạn, mỗi năm | tối đa 6.300.000 cho mỗi tai nạn, mỗi năm |
| | **Quyền lợi trợ giúp khẩn cấp (trong phạm vi Việt Nam)**- Nhà cung cấp do DLVN chỉ định sẽ cung cấp sự trợ giúp và tư vấn như: giới thiệu nhà cung cấp dịch vụ y tế, thu xếp nhập viện, theo dõi sức khỏe của NĐBH cùng với Bác sĩ điều trị trong và sau thời gian nhập viện, bảo lãnh thanh toán các chi phí y tế phát sinh trong thời gian nằm viện. | Có | Có | Có |
| QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TÙY CHỌN | | | | |
| QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ | | tối đa 2.100.000 mỗi năm | tối đa 6.300.000 mỗi năm | tối đa 10.500.000 mỗi năm |
| | Chi phí thăm khám tại các Phòng khám của bác sĩ, bác sĩ chuyên khoa, chuyên gia vật lý trị liệu, chuyên gia nắn khớp xương theo giới thiệu của Bác sĩ điều trị và các chi phí xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh theo chỉ định của Bác sĩ và thuốc được kê toa. | từ trên 210.000 đến tối đa 525.000 mỗi lần thăm khám | từ trên 315.000 đến tối đa 1.050.000 mỗi lần thăm khám | từ trên 525.000 đến tối đa 2.100.000 mỗi lần thăm khám |
| | Y học thay thế | tối đa 1.050.000 mỗi năm | tối đa 2.100.000 mỗi năm | tối đa 3.150.000 mỗi năm |
| QUYỀN LỢI CHĂM SÓC RĂNG - chi phí điều trị nha khoa. | | không áp dụng | không áp dụng | tối đa 10.500.000 mỗi năm<br>từ trên 525.000 mỗi lần thăm khám |

*Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.*